

Ý nghĩa Tạ pháp và tuổi Đạo trong mùa An cư Kiết hạ

ISSN: 2734-9195

14:39 18/09/2026

Tạ pháp là một nghi thức đẹp đẽ, thể hiện sự khiêm tốn, sự thành tâm phản tỉnh, sự biết ơn và sự hòa hợp của Tăng đoàn. Còn tuổi đạo là một dấu ấn thiêng liêng, là thước đo sự trưởng thành trên con đường xuất thế...

1. Mở đầu

An cư kiết hạ là một nét văn hóa thiêng liêng, một truyền thống quý báu được đức Thế Tôn đặt nền móng khi Ngài còn tại thế, và đã được Tăng-già kế thừa, giữ gìn suốt hơn hai thiên niên qua.

Mỗi năm, khi mùa mưa đến, chư tăng, ni cùng nhau thu nhiếp thân tâm, tạm dừng đi khất thực hay du hành, tập trung tại một trú xứ để chuyên cần tu học Giới - Định - Tuệ trong suốt ba tháng.

Khi mùa hạ trôi qua, ngày Rằm tháng Bảy (theo lịch Bắc tông) hay Rằm tháng Chín (theo lịch Nam tông) đến, Tăng chúng lại trang nghiêm cử hành lễ Tạ pháp, còn gọi là Tụ tứ hay Giải hạ. Đây không chỉ là nghi thức đánh dấu kết thúc một mùa tu học, mà còn là lúc mỗi vị đón nhận thêm một tuổi đạo, một dấu ấn của sự trưởng thành trên con đường xuất thế.

Với ý nghĩa sâu xa của hai sự kiện này, dựa trên những lời dạy trong kinh điển, giới luật và các bộ luận, với mong muốn cùng mọi người hiểu rõ hơn giá trị của những truyền thống mà chúng ta đang trân trọng.

2. Ý nghĩa Tạ pháp - lễ Tụ tứ, lễ Giải hạ

2.1 Nguồn gốc và ý nghĩa của lời dạy

Từ “Tụ tứ” trong ngôn ngữ Pāli là Pavāraṇā, có nghĩa là “thỉnh cầu, phó thác, mở lòng”. Ngày lễ Tụ tứ chính là ngày mỗi vị Tỳ khưu, Tỳ khưu ni tự mình bạch với đại chúng, thành tâm thỉnh cầu chư vị Tôn đức chỉ ra những lỗi sai, những

điều chưa tốt trong thân, khẩu, ý của mình trong suốt ba tháng an cư vừa qua.

Nghi thức này được Đức Phật trực tiếp chế định, ghi rõ trong Đại Phẩm Tạng Luật, nơi Ngài dạy: “Này các Tỳ khưu, Ta cho phép an cư xong, cử hành pháp Tự tứ.

Vì sao? Vì các Tỳ khưu đã an cư cùng nhau, nếu có thấy nhau thân, khẩu, ý có lỗi vi phạm, nên chỉ ra nhau, khiến về thiện pháp, chứ không nên giữ ý giấu tội”[1]. Khi đọc đoạn kinh này, chúng ta có thể cảm nhận được lòng từ bi và sự khéo léo của Đức Phật.

Ngài không muốn mỗi người một mình mò mẫm trong sự tu hành, cũng không muốn ai che giấu lỗi lầm rồi để đó thành thói quen.

Việc cùng nhau chỉ ra lỗi sai không phải là để phê bình hay làm tổn thương lẫn nhau, mà là để “khiến về thiện pháp” tức là cùng nhau hướng tới điều tốt đẹp, cùng nhau sửa đổi, cùng nhau tiến bộ.

Nếu giữ ý giấu tội, lỗi lầm không những không mất đi, mà còn càng ngày càng lớn, che khuất cả ánh sáng của tâm.

Vậy nên, lễ Tự tứ chính là một cách để mỗi người mở lòng, khiêm tốn nhận ra những điều chưa đúng, và nhờ sự giúp đỡ của đại chúng để cùng nhau thanh lọc thân tâm.

2.2 Tự phản tỉnh, sám hối như một cách rửa sạch tâm mình

Sau ba tháng sống cùng nhau, hành động, lời nói, tư tưởng của mỗi người đều được thể hiện rõ ràng. Lễ Tự tứ là dịp để mỗi người nhìn lại chính mình, cũng là dịp để thành tâm sám hối những lỗi lầm đã mắc phải. Trong Tứ Phần Luật San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ, có đoạn ghi rõ: “Nếu có lỗi, nên tự thấy, tự bạch, tự nhận, tự sửa, đừng che giấu. Che giấu lỗi là tăng thêm lỗi”[2].

Ý nghĩa của lời dạy này thật đơn giản nhưng sâu sắc lắm. Lỗi sai ai cũng có, người tu hành cũng không tránh khỏi. Nhưng khác biệt giữa người tiến bộ và người mãi đứng yên, chính là ở chỗ dám nhận ra lỗi sai và dám sửa nó.

Tự thấy lỗi là đã có sự tỉnh giác, tự bạch ra trước đại chúng là đã có lòng khiêm tốn, tự nhận lấy trách nhiệm là đã có sự dũng cảm, và tự sửa đổi chính là bước đầu tiên để lỗi lầm thực sự biến mất. Ngược lại, biết rõ mình sai mà vẫn cố tình che giấu, như là mình lại thêm một lỗi nữa đó là lỗi của sự dối trá, của sự cố chấp, khiến tâm ngày càng nặng nề, khó mà tiến được.

Cho nên, lễ Tự tứ không phải là hình thức, mà là một cách thực hành sám hối chân thật, giúp mỗi người rửa sạch những bụi bặm nơi tâm, để tiếp tục bước đi trên con đường đạo.

2.3 Mở lòng, xây dựng sự hòa hợp trong Tăng đoàn

Khi mỗi người đều mở lòng, không giấu giếm, không giữ ý, không hiềm nghi, thì sự hòa hợp tự nhiên đến. Luật Tư Trì Ký có đoạn nói rõ về ý nghĩa này: “Tự tứ là pháp mở lòng, không giữ tâm hiềm nghi, không giấu lỗi, khiến Tăng đoàn đồng thanh, đồng khí, cùng nhau tiến đạo.”[3] Chúng ta đều biết, trong một tập thể, nếu ai cũng có tâm sự, ai cũng giấu giếm, thì khoảng cách giữa người với người sẽ ngày càng xa, dù có ở chung một mái nhà cũng như hai thế giới khác nhau.

Lễ Tự tứ chính là cơ hội để mọi người xóa bỏ những khoảng cách đó. Khi ta thỉnh cầu người khác chỉ ra lỗi sai của mình, nghĩa là ta đã đặt mình vào vị trí thấp, đặt chính pháp lên trên hết. Từ đó, mọi người sống với nhau theo tinh thần sáu hòa: thân hòa đồng trú, khẩu hòa vô ngôn, ý hòa đồng duyên, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, lợi hòa đồng hưởng. Không có sự phân biệt cao thấp, giàu nghèo, hay địa vị xã hội, chỉ có một điều quan trọng nhất đó là cùng nhau tu hành, cùng nhau đi đến giải thoát. Sự hòa hợp này không chỉ tốt cho Tăng đoàn, mà còn là hình ảnh đẹp để mà Phật giáo muốn mang lại cho đời.

2.4 Tạ ơn và kết thúc một mùa tu học viên mãn

Từ “Tạ pháp” trong tên gọi của lễ này cũng mang ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Đó là lời tạ ơn Đức Phật đã chế định pháp an cư, tạo điều kiện cho Tăng chúng có thời gian yên tĩnh để tu học; là lời tạ ơn Tăng đoàn đã đồng hành, nhắc nhở, chỉ dạy lẫn nhau trong suốt ba tháng; cũng là lời tạ ơn chư vị tín đồ, các bậc cha mẹ, những người đã âm thầm hỗ trợ, tạo điều kiện cho chư Tăng ni được an tâm tu hành.

Đồng thời, lễ Tự tứ cũng là điều kiện bắt buộc để kết thúc một mùa an cư một cách hợp pháp, đúng theo giới luật. Như trong Luật Tứ Phần có ghi: “Nếu không thực hiện pháp Tự tứ đúng pháp, dù ba tháng không ra khỏi giới hạn, cũng không được tính tuổi hạ.”[4] Điều này cho chúng ta thấy, Đức Phật không chỉ xem trọng thời gian, mà còn xem trọng cả thái độ và phương pháp tu hành. Chỉ ở yên ba tháng thôi chưa đủ, phải có sự phản tỉnh, có sự mở lòng, có sự hòa hợp với đại chúng, thì mùa an cư đó mới thực sự viên mãn, và từ đó mới có thể đón nhận một tuổi đạo mới.



Lễ tác pháp An cư kiết hạ PL.2570 cho chư Tăng, chư Ni tại chùa Quán Sứ.

3. Tuổi Đạo - một dấu ấn của sự trưởng thành trên con đường Đạo

3.1 Tuổi đạo không phải là tuổi đời

Khi nói đến tuổi đạo, hay còn gọi là tuổi hạ, hạ lập, nhiều người dễ nhầm tưởng đó là số năm mình đã xuất gia. Nhưng thực ra không phải vậy. Tuổi đạo là số mùa an cư kiết hạ mà mỗi vị Tỳ khưu, Tỳ khưu ni đã hoàn thành một cách trọn vẹn, đúng theo giới luật.

Và điều đặc biệt là, trong Tăng-già, Đức Phật không lấy tuổi đời mà lấy tuổi đạo để làm thứ bậc. Tứ Phần Luật San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Số giải thích rõ: “Phật không lấy tuổi đời làm thứ bậc, mà lấy tuổi hạ làm thứ bậc. Vì tuổi đời là sinh tử pháp, tuổi hạ là pháp xuất thế, chứng tiến đạo quả.”[5] Thật vậy, tuổi đời là điều mà ai cũng có, nhưng đó chỉ là sự thay đổi của thân xác, là dòng chảy của thời gian trong vòng sinh tử.

Còn tuổi đạo thì khác nó là kết quả của sự nỗ lực, của sự tự rèn luyện, của từng bước chuyển hóa thân tâm theo chính pháp. Một người có thể đã cao tuổi đời nhưng chưa chắc đã có nhiều tuổi đạo, và ngược lại, một vị còn trẻ tuổi nhưng đã kiên trì tu hành nhiều mùa an cư, thì tuổi đạo của vị đó vẫn được đại chúng kính trọng hơn. Điều này cho thấy, trong đạo Phật, chúng ta không tôn trọng sự

già yếu, mà tôn trọng sự trưởng thành trong đạo, sự tinh tấn trong tu hành.

Để được tính một tuổi hạ hợp pháp, cần đủ bốn điều kiện: đã thụ giới Cụ túc một cách đúng pháp, an cư trọn vẹn ba tháng không vi phạm giới luật, không tự ý rời khỏi trú xứ mà không có lý do chính đáng, và cuối cùng là đã cử hành pháp Tự tứ trước Tăng chúng đầy đủ.

Nếu tự ý tụ tập mà không khai báo đúng pháp, gọi là “tặc trú”, mùa an cư đó sẽ không được tính tuổi đạo. Tất cả những quy định này đều nhằm mục đích nhắc nhở mỗi người: tuổi đạo không phải là thứ dễ dàng có được, mà phải bằng sự nỗ lực, bằng sự giữ giới, bằng sự tôn trọng pháp luật của Tăng đoàn mới đạt được.

3.2 Mỗi tuổi đạo là một bước trưởng dưỡng Giới - Định - Tuệ

Mỗi mùa an cư trôi qua, mỗi tuổi đạo thêm lên, đó không chỉ là con số tăng lên, mà là sự trưởng thành thực sự trong tâm hồn. Luật Ngũ Phần có đoạn nói rõ: “Mỗi một hạ trôi qua, tức là một bước trưởng dưỡng Giới-Định-Tuệ. Không an cư thì dù xuất gia bao nhiêu năm, đạo tâm vẫn không có tăng trưởng theo luật.”[6] Chúng ta có thể hiểu đơn giản như vậy: ba tháng an cư là thời gian để mỗi người tập trung giữ giới, để tâm được yên tĩnh, và từ đó mở ra sự hiểu biết chân thật. Nếu không có những khoảng thời gian như vậy, thì dù sống bao nhiêu năm trong chùa, tâm vẫn dễ bị cuốn theo những việc bên ngoài, khó mà thực sự lắng đọng. Còn mỗi khi hoàn thành một mùa an cư, nghĩa là Giới được củng cố thêm, Định được vững chắc thêm, và Tuệ cũng được mở rộng thêm.

Đó chính là sự tăng trưởng thực sự của đạo tâm. Bộ Nghiệp Sớ cũng nói thêm: “Tuổi hạ không phải đếm năm tháng, mà là đếm sự đoạn ác, tu thiện, trưởng dưỡng pháp thân. Một hạ viên mãn, tức là một phần pháp thân trưởng thành.”[7] Pháp thân, đó là thân của Chính pháp, là thân của sự hiểu biết và giải thoát không phải tự nhiên mà có, nó được xây dựng bằng từng ngày giữ giới, từng ngày tu tập, từng đoạn thời gian sống trong sự thanh tịnh và hòa hợp.

Mỗi tuổi đạo chính là một viên gạch nhỏ, góp phần xây dựng pháp thân đó ngày càng vững chắc, ngày càng viên mãn hơn.

3.3 Tuổi đạo là thứ bậc, là sự tôn kính dành cho người trọng đạo

Tuổi đạo còn có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định thứ bậc, trật tự trong Tăng đoàn. Theo quy định của Tứ Phần Luật, vị nào có tuổi đạo nhiều hơn thì

được ngồi cao hơn, được nói trước hơn, và cũng có những trách nhiệm, quyền hạn nhất định theo tuổi đạo. Ví dụ, dưới 5 tuổi hạ thì chưa được rời bốn sư để tự trú xứ; đủ 10 tuổi hạ mới được làm truyền giới sư, nhận đệ tử; và đủ 20 tuổi hạ mới đủ tư cách làm Yết-ma sư, chứng minh những việc lớn của Tăng đoàn.

Tất cả những điều này đều được thực hiện theo một nguyên tắc mà Luật Tư Trì Ký đã nêu rõ: “Trong Tăng-già, không hỏi tuổi lớn nhỏ, chỉ hỏi hạ nhiều hay ít. Vì đạo là quý, tuổi hạ là biểu hiện của đạo. Người đời kính tuổi cao, người xuất gia kính hạ nhiều.”[8] Đây là một nét rất đặc biệt và rất đẹp trong Tăng-già Phật giáo. Ở đời, người ta thường kính trọng người cao tuổi, người có địa vị, có tiền bạc hay quyền lực.

Nhưng trong Tăng đoàn, tất cả những thứ đó đều lùi về sau, chỉ có một thứ được đặt lên hàng đầu đó là sự tu hành, sự trưởng thành trong đạo. Một vị có nhiều tuổi đạo hơn, dù trẻ tuổi đời hơn, vẫn được đại chúng kính trọng, vì mọi người biết rằng, vị đó đã dành nhiều thời gian hơn, nhiều công sức hơn cho việc tu hành, cho việc chuyển hóa chính mình.

Và ngược lại, vị nào có ít tuổi đạo hơn, cũng tự nhiên biết vị trí của mình, biết mình cần phải học hỏi thêm, cần phải kính trọng những vị đi trước trên con đường đạo. Từ đó tạo ra một không khí tôn kính, học hỏi lẫn nhau, không có sự tranh chấp, không có sự phân biệt giàu nghèo, cao thấp theo thế gian.

3.4 Tuổi đạo dạy chúng ta biết kiên trì, tích lũy từng bước

Một điều nữa mà tuổi đạo nhắc nhở chúng ta, đó là sự kiên trì, sự tích lũy bền bỉ. Mỗi năm chỉ có một mùa an cư, nên dù tu hành suốt đời, mỗi năm cũng chỉ thêm được một tuổi đạo. Điều này giống như cây cối mỗi năm chỉ thêm một vòng thân, không thể nhanh hơn được. Kinh Hoa Nghiêm có câu nói rất hay: “Bồ-tát tu đạo, không cầu quả nhanh, chỉ sợ tâm không kiên cố. Tích hạ thành niên, tích tu thành đức.”[9] Đạo quả không bao giờ đến trong một ngày một đêm, cũng không có con đường tắt nào. Cần phải có thời gian, cần phải có sự kiên trì, cần phải mỗi năm, mỗi mùa, mỗi ngày đều không ngừng nỗ lực.

Tuổi đạo mỗi năm chỉ thêm một, nhưng qua mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, thì số tuổi đạo đó sẽ nói lên tất cả nói lên sự bền bỉ, nói lên sự không ngại khó khăn, nói lên lòng kiên trì bền vững của người tu hành. Đó chính là giá trị thực sự của tuổi đạo: nó không phải là thứ dễ dàng có được, nên cũng không dễ dàng mất đi, mà là kết quả của cả một quá trình dài, âm thầm nhưng vững chắc.

4. Tạ pháp và tuổi Đạo - hai mặt cùng một sự trưởng thành

Nhìn chung, Tạ pháp và tuổi đạo không phải là hai sự việc tách biệt, mà là hai mặt của cùng một quá trình tu học. Tạ pháp là nhân, là điều kiện, là bước cuối cùng để hoàn thành mùa an cư; còn tuổi đạo là quả, là kết quả, là sự công nhận cho những nỗ lực trong suốt ba tháng đó. Nếu không có Tự tứ, không có sự mở lòng, phản tỉnh, thì dù có ở yên ba tháng cũng không được tính tuổi đạo.

Ngược lại, nếu không có ba tháng an cư nghiêm túc, thì lễ Tự tứ cũng chỉ là hình thức, không có ý nghĩa thực sự. Như trong Tứ Phần Luật San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ có nói: “An cư mà không Tự tứ, như người gieo hạt mà không thu hoạch. Tự tứ mà không giữ giới trong ba tháng, như thu hoạch mà không có hạt giống.”[10] Cả hai đều cần thiết, cả hai đều bổ sung cho nhau.

Tạ pháp giúp ta thanh tịnh hiện tại, còn tuổi đạo thì khuyến khích ta hướng tới tương lai, tiếp tục nỗ lực, tiếp tục trưởng thành. Từ đó, Giới học được củng cố, Định học được vững chắc, Tuệ học được phát triển đó chính là giá trị cốt lõi của cả Tạ pháp và tuổi đạo.

Kết luận

Tóm lại, Tạ pháp là một nghi thức đẹp đẽ, thể hiện sự khiêm tốn, sự thành tâm phản tỉnh, sự biết ơn và sự hòa hợp của Tăng đoàn. Còn tuổi đạo là một dấu ấn thiêng liêng, là thước đo sự trưởng thành trên con đường xuất thế, là thứ bậc trong Tăng-già, và cũng là lời nhắc nhở mỗi người tu hành phải kiên trì, bền bỉ theo Chính pháp.

Cả hai đều được đức Phật chế định từ khi Ngài còn tại thế, được các bậc tổ sư kế thừa, giải thích chi tiết trong các bộ luật, bộ luận, và đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tu hành của Tăng-già Phật giáo.

Như lời Hòa thượng Thích Minh Thông đã từng dạy: *“An cư là gốc, Tự tứ là hoa, tuổi hạ là quả. Ba tháng cắm rễ, một ngày khai hoa, cả đời kết quả.”* Nguyên rằng, mỗi mùa Tạ pháp đến, chúng ta đều có thể mở lòng, thành tâm sám hối, cùng nhau xây dựng sự hòa hợp; và mỗi tuổi đạo thêm lên, đều thực sự là một bước trưởng thành trên con đường tu hành, không phụ lòng mong mỏi của Đức Thế Tôn, không phụ công ơn của bậc tổ sư, và xứng đáng với sự tin tưởng, ủng hộ của chư vị tín đồ khắp nơi.

Tác giả: **Thượng toạ Thích Thiện Hạnh**
Phó Viện trưởng Phân viện NCPHVN tại Hà Nội

Danh mục Tài liệu tham khảo:

1. Đại Phẩm Tạng Luật (Tập 1) Indacanda dịch Nxb. Tôn giáo 2017, tr. 327
2. Luật Tứ Phần (Tập 3) Thích Đồng Minh dịch Nxb. Phương Đông 2013, tr. 840
3. Tứ Phần Luật San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ (Quyển 4) Thích Đồng Minh Nxb. Phương Đông 2013, tr. 1354, 1358, 1361
4. Luật Ngũ Phần (Quyển 16) Tỳ khưu Trí Tịnh dịch Nxb. Tôn giáo 2018, tr.189
5. Luật Tư Trì Ký Thích Phước Sơn Nxb. Phương Đông 2006 226, tr. 231
6. Bộ Nghiệp Sớ Thích Minh Châu Nxb. Hồng Đức 2010, tr. 98
7. Kinh Hoa Nghiêm (Phẩm 34) Thích Thanh Từ dịch Nxb. Tôn giáo 2012, tr. 512
8. Luật Học Tinh Yếu Thích Phước Sơn Nxb. Phương Đông 2010, tr. 245
9. Một Số Vấn Đề Giới Luật Thích Phước Sơn Nxb. Phương Đông 2006, tr. 226
10. Kinh Đại Bát Niết Bàn (Phẩm 3) Thích Thiện Siêu dịch Nxb. Tôn giáo 2009, tr. 78

Chú thích:

- [1] Đại Phẩm Tạng Luật, Tập 1, Indacanda dịch, Nhà xuất bản Tôn giáo, 2017, trang 327
- [2] Tứ Phần Luật San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ, quyển 4, Thích Đồng Minh dịch, Nhà xuất bản Phương Đông, 2013, trang 1354
- [3] Luật Tư Trì Ký, Thích Phước Sơn, Nhà xuất bản Phương Đông, 2006, trang 226
- [4] Luật Tứ Phần, Tập 3, Thích Đồng Minh dịch, Nhà xuất bản Phương Đông, 2013, trang 840
- [5] Tứ Phần Luật San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ, quyển 4, Nhà xuất bản Phương Đông, 2013, trang 1361
- [6] Luật Ngũ Phần, quyển 16, Nhà xuất bản Tôn giáo, 2018, trang 189
- [7] Bộ Nghiệp Sớ, Thích Minh Châu, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2010, trang 98
- [8] Luật Tư Trì Ký, Thích Phước Sơn, Nhà xuất bản Phương Đông, 2006, trang 231
- [9] Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm 34, Thích Thanh Từ dịch, Nhà xuất bản Tôn giáo, 2012, trang 512
- [10] Tứ Phần Luật San Bồ Tỳ Cơ Yết Ma Sớ, quyển 4, Nhà xuất bản Phương Đông, 2013, trang 1358